

# **ĐỀ CƯƠNG**

## **LUẬT TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;  
Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

- Hệ thống báo hiệu đường bộ; tốc độ và khoảng cách giữa các xe khi tham gia giao thông;

- Các quy định khi tham gia giao thông đường bộ;
- Phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ;
- Tổ chức, chỉ huy, điều khiển và giải quyết ùn tắc giao thông;
- Giải quyết tai nạn giao thông;
- Giám sát việc thi hành luật và trách nhiệm pháp lý;
- Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Giải thích các cụm từ liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Hệ thống báo hiệu đường bộ;
- Khái niệm các loại đường;
- Khái niệm các loại phương tiện tham gia giao thông;
- Khái niệm người tham gia giao thông.

##### **Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

- Bảo đảm thông suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả;
- Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Người tham gia giao thông phải có ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác. Chủ phương tiện

và người điều khiển phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm an toàn của phương tiện tham gia giao thông đường bộ;

- Xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

#### **Điều 5. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

- Quy định cơ quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục pháp luật;
- Quy định nội dung, hình thức, kinh phí tuyên truyền.

Đặc biệt lưu ý đến nội dung giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong các trường học từ cấp tiểu học trở lên để nâng cao ý thức tham gia giao thông.

#### **Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

- Các hành vi nghiêm cấm đối với người đi bộ khi tham gia giao thông;
- Các hành vi nghiêm cấm đối với người điều khiển phương tiện;
- Các hành vi nghiêm cấm đối với chủ phương tiện;
- Các hành vi nghiêm cấm đối với cơ quan, tổ chức.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH VỀ HỆ THỐNG BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ, TỐC ĐỘ VÀ KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC XE**

(Luật hóa các quy định về hệ thống báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách giữa các xe hiện nay đang tồn tại ở các Thông tư)

#### **Điều 7. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông**

- Người điều khiển giao thông đang thi hành nhiệm vụ phải được thấy ở một khoảng cách nhất định, bất kể ngày đêm.

- Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông bao gồm: Hiệu lệnh dừng xe; Hiệu lệnh được đi...

- Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông được ưu tiên so với tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu đường bộ, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn và cả luật lệ giao thông.

#### **Điều 8. Tín hiệu đèn giao thông**

- Tín hiệu đèn giao thông có ba màu: Tín hiệu xanh, tín hiệu đỏ và tín hiệu vàng;

- Chỉ dẫn của tín hiệu đèn giao thông được ưu tiên hơn biển báo hiệu.

## **Điều 9. Biển báo hiệu đường bộ**

Biển báo hiệu đường bộ gồm sáu nhóm:

- Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;
- Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;
- Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành;
- Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;
- Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.
- Biển sử dụng trên các tuyến đường đối ngoại.

## **Điều 10. Vạch kẻ đường**

Vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

## **Điều 11. Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ**

Được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

## **Điều 12. Rào chắn**

Được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cụt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

## **Điều 13. Tốc độ xe**

Người điều khiển phương tiện phải tuân thủ những quy định về tốc độ ở bất kỳ vị trí và trường hợp nào với tất cả sự cẩn trọng. Khi điều chỉnh tốc độ xe, người điều khiển phải luôn chú ý đến địa hình, tình trạng con đường, điều kiện và trọng tải xe, điều kiện thời tiết và mật độ giao thông, để có thể dừng lại trong khoảng cách an toàn đối với bất kỳ vật cản nào ở phía trước.

## **Điều 14. Tốc độ tối đa**

- Trên đường Cao tốc;
- Trong khu vực đông dân cư;
- Ngoài khu vực đông dân cư.

## **Điều 15. Giảm tốc độ**

- Người điều khiển phương tiện không được dừng xe đột ngột trừ những lý do an toàn cần thiết.
- Các trường hợp phải giảm tốc độ xe.

## **Điều 16. Khoảng cách giữa các xe**

- Khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe

chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn trị số ghi trên biển báo.

- Quy định khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông trên đường: Trong điều kiện mặt đường khô ráo, khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ; Khi trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, tầm nhìn hạn chế.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH VỀ ĐI ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 17. Quy tắc chung**

Quy định nguyên tắc chung về chấp hành phần đường, làn đường, biển báo; nguyên tắc chung về sử dụng phương tiện tham gia giao thông; những yêu cầu đối với người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông.

### **Điều 18. Chấp hành báo hiệu đường bộ**

Quy định cụ thể về các quy định về chấp hành báo hiệu đường bộ, như chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

### **Điều 19. Sử dụng làn đường**

Quy định quy tắc đi trên đường nhiều làn đường, trên đường một chiều và đường hai chiều.

### **Điều 20. Vượt xe**

Quy định quy tắc vượt xe bằng tay, bằng còi, bằng đèn; quy định các trường hợp được phép vượt bên phải, quy định các trường hợp cấm vượt.

### **Điều 21. Chuyển hướng xe**

Quy định quy tắc rẽ trái, rẽ phải, quay đầu xe.

### **Điều 22. Lùi xe**

Quy định các trường hợp được lùi và cấm lùi.

### **Điều 23. Tránh xe đi ngược chiều**

Quy định quy tắc tránh xe, nhường đường.

### **Điều 24. Dừng xe, đỗ xe**

Quy định quy tắc dừng, đỗ xe trên đường bộ và quy tắc dừng, đỗ xe trên đường phố.

### **Điều 25. Mở cửa xe**

Quy định quy tắc mở cửa xe trên đường giao thông.

**Điều 26. Sử dụng đèn, còi và tín hiệu**

Quy định quy tắc sử dụng đèn, còi và tín hiệu khác khi tham gia giao thông.

**Điều 27. Xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ**

Quy định quy tắc xếp hàng hóa trên mô tô, ô tô và xe máy chuyên dùng.

**Điều 28. Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng**

Quy định các trường hợp được chở người trên xe ô tô chở hàng.

**Điều 29. Quyền ưu tiên của một số loại xe**

Quy định các loại xe ưu tiên, thứ tự ưu tiên và các quy định của xe khác khi gặp xe ưu tiên.

**Điều 30. Qua phà, qua cầu phao**

Quy định quy tắc khi qua phà, qua cầu phao.

**Điều 31. Nhường đường tại nơi đường giao nhau**

Quy định quy tắc nhường đường tại nơi đường giao nhau đồng mức, giao nhau với đường có vòng xuyến, giao nhau với đường không có vòng xuyến, giao nhau với đường ưu tiên, giao nhau với đường nhánh.

**Điều 32. Đi trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt**

Quy định quy tắc khi đi trên đường bộ giao nhau với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt.

**Điều 33. Giao thông trên đường cao tốc**

Quy định quy tắc ra, vào đường cao tốc; quy định các phương tiện được tham gia giao thông trên đường cao tốc.

**Điều 34. Giao thông trong hầm đường bộ**

Quy định quy định quy tắc tham gia giao thông trong hầm đường bộ.

**Điều 35. Giao thông trên đường trên cao, trên đường liên vận quốc tế**

Quy định quy tắc tham gia giao thông trên đường trên cao; quy định các phương tiện được tham gia giao thông trên đường trên cao; quy định quy tắc tham gia giao thông trên đường liên vận quốc tế.

**Điều 36. Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc**

Quy định các trường hợp xe được phép kéo xe, kéo rơ moóc; Các hành vi bị nghiêm cấm.

**Điều 37. Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, trên xe đạp, xe thô sơ khác**

Quy định quyền lợi, trách nhiệm của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, trên xe đạp, xe thô sơ khác

**Điều 38. Người đi bộ, người khuyết tật, người già yếu tham gia giao thông, người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ**

Quy định quyền lợi, trách nhiệm của người đi bộ, người khuyết tật, người già yếu tham gia giao thông, người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ.

**Điều 39. Các hoạt động khác trên đường bộ, trên đường phố**

Quy định các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ, trên đường phố.

## **Chương IV**

# **QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

## **Mục 1**

### **PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 40. Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới**

- Xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đúng kiểu loại đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Xe cơ giới phải đăng ký và gắn biển số;

- Niên hạn sử dụng của các loại xe cơ giới.

**Điều 41. Điều kiện tham gia giao thông của xe thô sơ**

Khi tham gia giao thông, xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện an toàn giao thông đường bộ.

**Điều 42. Điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng**

- Bảo đảm các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

- Hoạt động trong phạm vi quy định, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

**Điều 43. Cấp đăng ký và biển số xe cơ giới**

- Những loại giấy tờ cần có để được cấp đăng ký xe;

- Những trường hợp không được cấp đăng ký và biển số xe;

- Cơ quan cấp, thu hồi đăng ký xe.

**Điều 44. Thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới**

- Những trường hợp thu hồi đăng ký và biển số xe;

- Xử lý phương tiện bị thu hồi.

## **Mục 2**

### **NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 45. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông**

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khoẻ, có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển;
- Các loại giấy tờ người lái xe phải mang theo khi điều khiển phương tiện.

#### **Điều 46. Tuổi, sức khỏe của người lái xe**

Quy định độ tuổi, sức khỏe của người lái xe phù hợp với từng loại phương tiện khi tham gia giao thông.

#### **Điều 47. Điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông**

- Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe phù hợp với ngành nghề lao động và có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp.

- Các loại giấy tờ người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông phải mang theo.

#### **Điều 48. Điều kiện của người điều khiển xe thô sơ tham gia giao thông**

- Có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn.
- Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ.

## **Chương V**

### **QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN VÀ GIẢI QUYẾT ÛN TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 49. Phân luồng giao thông**

- Quy định nguyên tắc phân luồng giao thông;
- Biện pháp phân luồng giao thông trong các trường hợp cụ thể.

#### **Điều 50. Phân làn cho xe cơ giới**

- Quy định nguyên tắc phân làn giao thông;
- Trách nhiệm của người tham gia giao thông đi theo làn đường quy định.

**Điều 51. Hành lang cho người đi bộ và xe thô sơ**

- Quy định người đi bộ đi trên vỉa hè hoặc lề đường bên phải;
- Quy định hành lang dành cho xe thô sơ, xe đạp, người khuyết tật.

**Điều 52. Tổ chức, chỉ huy, điều khiển giao thông**

Quy định các biện pháp chỉ huy, điều khiển giao thông, các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

**Điều 53. Giải quyết ùn tắc giao thông**

- Quy định nguyên tắc giải quyết ùn tắc giao thông;
- Biện pháp giải quyết ùn tắc giao thông;
- Trách nhiệm của người tham gia giao thông khi gặp ùn tắc.

**Chương VI**

**QUY ĐỊNH VỀ GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 54. Nguyên tắc giải quyết tai nạn giao thông**

Quy định các nguyên tắc giải quyết tai nạn giao thông.

Đặc biệt lưu ý đến nội dung xem xét các phương tiện giám sát hành trình trên phương tiện, cũng như các camera giám sát giao thông để giải quyết tai nạn giao thông cho khách quan, chính xác.

**Điều 55. Trách nhiệm của người tham gia giao thông khi tai nạn xảy ra**

Quy định cách ứng xử của người lái xe gây ra tai nạn; hành khách, người điều khiển phương tiện đi ngang qua vụ tai nạn.

**Điều 56. Trách nhiệm của cơ quan Y tế**

Trách nhiệm của cơ quan Y tế khi tiếp nhận người bị tai nạn giao thông; phối hợp với cơ quan Công an trong công tác điều tra tai nạn giao thông.

**Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan Công an**

Quy định trách nhiệm của cơ quan Công an khi có vụ tai nạn xảy ra; trường hợp phương tiện chạy trốn khỏi hiện trường.

**Điều 58. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp khi có vụ tai nạn xảy ra, nhất là các vụ tai nạn gây hậu quả chết người.



**Chương VII**  
**QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT VIỆC THI HÀNH LUẬT**  
**VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ**

**Mục 1**  
**GIÁM SÁT VIỆC THI HÀNH LUẬT**

**Điều 59. Trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật**

Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc giám sát việc thi hành Luật của cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông.

**Điều 60. Tuân tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông**

Quy định hình thức, nội dung, thẩm quyền tuân tra kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông.

Quy định việc áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật vào công tác tuân tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông như một số nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức... để hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả công tác này.

**Điều 61. Các biện pháp khoa học- công nghệ trong giám sát, phòng ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên tuyến giao thông**

Quy định cụ thể các biện pháp khoa học- công nghệ trong giám sát, phòng ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên tuyến giao thông.

**Điều 62. Trung tâm điều khiển giao thông**

- Trung tâm điều khiển giao thông cấp Trung ương đặt tại Cục Cảnh sát giao thông;

- Trung tâm điều khiển giao thông cấp địa phương đặt tại Phòng Cảnh sát giao thông;

- Các Trung tâm do Bộ Công an quản lý và vận hành; kết nối thông suốt với nhau và chia sẻ hệ thống dữ liệu với các bộ, ngành.

**Mục 2**  
**TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ**

**Điều 63. Trách nhiệm pháp lý của người tham gia giao thông**

Quy định trách nhiệm pháp lý khi người tham gia giao thông vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Trong đó, nghiên cứu phương án trừ điểm Giấy phép lái xe.

#### **Điều 64. Trách nhiệm pháp lý của Chủ phương tiện**

Quy định trách nhiệm pháp lý của chủ phương khi vi phạm các quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông.

#### **Điều 65. Trách nhiệm pháp lý của Cảnh sát giao thông**

Quy định trách nhiệm pháp lý của Cảnh sát giao thông khi vi phạm các quy định của pháp luật trong khi làm nhiệm vụ.

#### **Điều 66. Trách nhiệm pháp lý của cơ quan, tổ chức**

Quy định trách nhiệm pháp lý của cơ quan tổ, tổ chức khi thực hiện các hành vi gây cản trở, mất an toàn giao thông.

### **Chương VIII**

## **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 67. Nội dung quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Quy định về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Quy định về xây dựng chính sách, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện chương trình quốc gia về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Quy định về tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Quy định về hợp tác quốc tế về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Quy định về kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ.

#### **Điều 68. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Quy định về trách nhiệm của Chính phủ, trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục đào tạo, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp.

## **Chương IX**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 69. Hiệu lực thi hành.**

Quy định về ngày Luật có hiệu lực.

#### **Điều 70. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.**

Giao Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.

